TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2025/QĐST-HNGĐ	*Cao Phong, ngày 20 tháng 06 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2025/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị L**, sinh năm: 1986;

Căn cước công dân số: 017186002702;

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm: 1983;

Căn cước công dân số: 017083011059;

Cùng cư trú tại: Xóm Cạn Thượng, xã Hợp Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 06 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 06 năm 2025 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

- *Về con chung:* Chị L và anh T có 02 *(Hai*) con chung tên là Bùi Tấn T, sinh ngày 30/08/2007, giới tính: Nam và Bùi Minh T, sinh ngày 07/02/2013, giới tính:

Nam. Hiện sức khỏe hai con bình thường không có nhược điểm về tâm thần thể chất.

- *Về nuôi con chung:* Chị L và anh T thỏa thuận khi ly hôn anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 *(Hai)* con chung cho đến khi hai con đủ 18 *(Mười tám)* tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Hai bên chưa yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung, nghĩa vụ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Bùi Thị L tự nguyện nộp T bộ: 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003011 ngày 28/042025, chị L được nhận lại số T 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS huyện Cao Phong;
- UBND xã Hợp Phong;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thùy Linh